

令和 4 年 6 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	52.1 t	7.76	3.0 cm	17.3 °C	
放流水量	52.2 t	7.84	50.0 cm	17.9 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	278 KWH	3,672 KWH	5.40 t	
日平均使用量	9.0 KWH	118.5 KWH	0.17 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	ﾌﾞﾗ残渣
月計	10台: 3.50t	25台: 43.72t	34台: 20.08t	7台: 25.75t	1台: 2.07t	
前月累計	16台: 7.81t	64台: 102.65t	78台: 44.65t	11台: 28.92t	3台: 6.08t	
年度計	26台: 11.31t	89台: 146.37t	112台: 64.73t	18台: 54.67t	4台: 8.15t	

小計	
月計	77台: 95.12 t
前月累計	172台: 190.11 t
年度計	249台: 285.23 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	77台: 95.12 t
前月累計	t	172台: 190.11 t
年度計	t	249台: 285.23 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	24台	238 m ³
前月累計	71台	475 m ³
年度計	95台	713 m ³

項目	日
搬入日数	18
日平均搬入数量	5.28 t

月	ごみ埋立量	搬入台数
4	83.60 t	74台
5	106.51 t	98台
6	95.12 t	77台
7	t	台
8	t	台
9	t	台
10	t	台
11	t	台
12	t	台
1	t	台
2	t	台
3	t	台
計	285.23 t	249台

薬品名	使用量
スケール分散剤	40.00 kg
凝集剤 パック	100.00 kg
凝集助剤 ポリマ	0.60 kg
固形塩素剤	2.00 kg
脱水助剤 104	kg
脱水助剤 94b	kg
アワゼロン	kg
清缶剤	kg
並塩	kg
リン酸	kg
保護マット	枚
汚泥量	m ³
脱水ケーキ量	t
脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	曇/晴	10 °C	17 °C	9 °C
2	晴/曇	13 °C	18 °C	11 °C
3	晴	16 °C	17 °C	10 °C
4		°C	°C	°C
5		°C	°C	°C
6	晴	15 °C	18 °C	6 °C
7	晴	9 °C	20 °C	8 °C
8	晴	12 °C	18 °C	9 °C
9	晴	11 °C	19 °C	11 °C
10	晴	14 °C	19 °C	12 °C
11		°C	°C	°C
12		°C	°C	°C
13	晴/曇	14 °C	21 °C	12 °C
14	晴	13 °C	19 °C	10 °C
15	曇/晴	13 °C	19 °C	12 °C
16	雨	15 °C	19 °C	13 °C
17	曇/雨	15 °C	21 °C	14 °C
18		°C	°C	°C
19		°C	°C	°C
20	晴	18 °C	21 °C	16 °C
21	晴	16 °C	21 °C	14 °C
22	晴	18 °C	22 °C	16 °C
23	曇	15 °C	16 °C	15 °C
24	雨	18 °C	19 °C	18 °C
25		°C	°C	°C
26		°C	°C	°C
27	晴/曇	19 °C	22 °C	24 °C
28	曇/雨	19 °C	22 °C	17 °C
29	雨/曇	19 °C	22 °C	18 °C
30	曇	17 °C	22 °C	16 °C